

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUẦN GIÁO  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 29/9/2022  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Nga.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Bạc Thị Hồng và bà Nguyễn Thị Huyền.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Phương Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Mạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 91/2022/TLST-HN&GD ngày 22 tháng 7 năm 2022 về việc: Khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/QĐST-HNGĐ ngày 14/9/2022; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Tòng Thị K; năm sinh: 1991; nơi ĐKKHKT: Bản C, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên; nơi ở hiện nay: Bản N, xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Tòng Văn B, năm sinh: 1989; địa chỉ: Bản C, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 7 năm 2022 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Tòng Thị K trình bày:*

Về hôn nhân: Chị Tòng Thị K và anh Tòng Văn B trước khi kết hôn có chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương, đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên vào ngày 16/01/2009. Chúng tôi sống hạnh phúc được khoảng 6 đến 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Chị K cho rằng nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh B có sử dụng ma túy, hành hạ chị K về tinh thần, có lời lẽ xúc phạm chị K, không tu chí làm ăn. Chị Tòng Thị K và anh Tòng Văn B đã sống ly thân với nhau từ giữa năm 2021, thời gian không cùng chung sống giữa hai bên không còn quan tâm, chia sẻ, yêu thương, chăm sóc nhau.

Về con chung: Chị Tòng Thị K và anh Tòng Văn B có hai con chung là cháu Tòng Văn C, sinh ngày 28/11/2008 và cháu Tòng Thị Thanh T, sinh ngày 25/7/2010. Chị K hiện tại đang là người trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Sau ly hôn chị K có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 người con chung đến tuổi thành niên và đủ khả năng lao động. Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết về phân cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung, nợ riêng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Tòng Thị K đề nghị miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Tòng Văn B thông qua gia đình anh Biên, nhưng anh B đang đi làm thêm, khi đi làm thêm anh B cũng không thông báo với chính quyền địa phương.

*Tại Biên bản xác minh đại diện chính quyền bản cho biết:* Về hôn nhân giữa chị Tòng Thị K và anh Tòng Văn B thời gian khoảng hơn một năm do vợ chồng đi làm thuê mới phát sinh việc chị K yêu cầu xin ly hôn, cũng hơn một năm nay chị K cũng không quay về sống cùng gia đình tại bản C, xã Q; còn anh B những lúc nông nhàn thì đi làm thuê. Về con chung có 02 người con, là Tòng Văn C, sinh ngày 28/11/2008 và cháu Tòng Thị Thanh T, sinh ngày 25/7/2010. Từ nhỏ các cháu ở cùng với ông bà nội ở bản C, nhưng theo tôi các cháu đã lớn nên xem xét nguyện vọng của các cháu.

Tại đơn nguyện vọng, B bản lấy lời khai cháu C và cháu T trình bày nguyện vọng mong muốn được ở cùng với chị Tòng Thị K.

*Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:*

- Về tố tụng: Đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tòng Thị K, cho chị Tòng Thị K ly hôn với anh Tòng Văn B; đề nghị HĐXX áp dụng Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình giao cháu Tòng Văn C, sinh ngày 28/11/2008 và cháu Tòng Thị Thanh T, sinh ngày 25/7/2010 cho chị Tòng Thị K trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên và đủ khả năng lao động. Chị K không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, nên không đề nghị xem xét về phân cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý; sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Tòa án miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Tòng Thị K.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện: Xét đơn khởi kiện của chị Tòng Thị K với anh Tòng Văn B thì được xác định là vụ án yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo quy định tại Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Thẩm quyền giải quyết: Thời điểm chị K nộp đơn khởi kiện, anh B có nơi ĐKKHTT tại bản C, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên; nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng cho chị Tòng Thị K và anh Tòng Văn B đúng theo quy định tại Điều 175; Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa mở lại vào ngày 29/9/2022 chị K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin vắng mặt; còn anh B đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do; vì vậy Tòa án vẫn tiến hành mở phiên tòa, việc đưa ra xét xử vẫn đảm bảo quyền lợi của đương sự vắng mặt và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tòng Thị K và anh Tòng Văn B đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên vào ngày 16/01/2009. Anh chị kết hôn tự nguyện, không ai ép buộc, thực hiện theo đúng trình tự đăng ký kết hôn, nên có thể xác định hôn nhân của chị K và anh B là hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật Hôn nhân & gia đình.

Xét về yêu cầu giải quyết ly hôn thì thấy: Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã thông báo để thực hiện việc hòa giải cho các đương sự quay về đoàn tụ, nhưng do anh B không có mặt để tiến hành hòa giải, đồng thời chị K cũng có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải đoàn tụ; vì chị cho rằng giữa chị K và anh B không thể quay về đoàn tụ do chị K không còn tình cảm yêu thương giữa vợ chồng đối với anh B, do vậy việc hòa giải để chị K và anh B quay về đoàn tụ là không thành. Để đảm bảo khách quan về giải quyết hôn nhân của chị K và anh B, Tòa án đã tiến hành xác minh thì thấy rằng: Cuộc sống hôn nhân giữa chị K và anh B đã có rạn nứt, giữa chị K và anh B đã sống ly thân từ năm 2021, giữa vợ chồng không còn liên lạc, quan tâm, chia sẻ, yêu thương. Vì vậy HĐXX thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị K và anh B đã không còn sự quan tâm, chia sẻ, không còn hạnh phúc mỗi người đều có cuộc sống riêng, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị K là có căn cứ, nên cần căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình; để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tòng Thị K, cho chị Tòng Thị K ly hôn với anh Tòng Văn B.

[3] Về con chung: Xác nhận chị Tòng Thị K với anh Tòng Văn B có hai con chung là cháu Tòng Văn C, sinh ngày 28/11/2008 và cháu Tòng Thị Thanh T, sinh ngày 25/7/2010. Xét thấy nguyện vọng nuôi con và thực tế đương sự đang nuôi con, cũng như nguyện vọng của cháu C, cháu T; HĐXX thấy cần thiết phải cho các con có cuộc sống ổn định, để các con ổn định tâm lý học tập và phát triển; vì vậy cần căn cứ vào các Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân gia đình; giao cháu cháu Tòng Văn C, sinh ngày 28/11/2008 và cháu Tòng Thị Thanh T, sinh ngày 25/7/2010 cho chị Tòng Thị K trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên và đủ khả năng lao động. Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết về phân cấp dưỡng; việc không yêu cầu cấp dưỡng, HĐXX thấy không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của con chung nên HĐXX không giải quyết về phân cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung, nợ riêng: Không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử xét thấy chị

Tòng Thị K là dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và chị Kiên đã có đơn đề nghị miễn án phí được Ủy ban nhân dân xã xác nhận; nên chị Kiên đủ điều kiện được xét miễn án phí ly hôn.

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đưa ra đề nghị về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy cần chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Áp dụng:**

- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83; 84 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.  
- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tòng Thị K được ly hôn với anh Tòng Văn B.  
2. Về con chung: Giao cho chị Tòng Thị K trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung Tòng Văn C, sinh ngày 28/11/2008 và cháu Tòng Thị Thanh T, sinh ngày 25/7/2010 cho đến khi đủ tuổi thành niên và đủ khả năng lao động. Chị Tòng Thị K không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị Tòng Thị K có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con, cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Anh Tòng Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh B thực hiện quyền này.

Chị Tòng Thị K và anh Tòng Văn B có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung, riêng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Tòng Thị K được miễn án phí ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Tòng Thị K và anh Tòng Văn B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THÀNH VIÊN CỦA HĐXX**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận***

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đương sự;
- UBND xã Chiềng Sinh;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lương Thị Nga**

